

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Trường

2. Ông Dương Ngọc Sáng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị N.T.H, sinh năm 1979 - *Vắng mặt*

Nơi thường trú: Khu phố Hạ, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Nơi ở hiện nay: Số 27 Lý Thái Tổ, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

*** Bị đơn:** Anh Đặng T.M, sinh năm 1977- *Vắng mặt*

Nơi thường trú: Khu phố Hạ, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Nơi ở hiện nay: Số 27 Lý Thái Tổ, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(Chị H, anh M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị N.T.H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ.T.M được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Từ Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 23/11/2000. Anh

chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến nay vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm, không hạnh phúc. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giữa chị và anh M có 05 con chung gồm cháu Đặng P.L, sinh ngày 15/9/2001; Đặng T.Đ, sinh ngày 23/02/2007; cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 03 con chung cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011 cho chị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2026 anh Đ.T.M trình bày như sau:* Anh M xác nhận anh và chị H đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H bị lừa mất nhiều tiền, vợ chồng xảy ra lục đục, anh M thường xuyên chửi chị H. Nay bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Giữa anh và chị H có 05 con chung là cháu Đặng P.L, sinh ngày 15/9/2001; Đặng T.Đ, sinh ngày 23/02/2007; cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao 03 con chung cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011 cho chị H là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì anh đồng ý. Hai cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Các con chung của anh M, chị H là Đặng P.M; Đặng H.N và Đặng P.A đều có nguyện vọng được ở cùng với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh M có đơn xin vắng mặt tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh M đều xin vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị H và anh M được ly hôn; Về con chung: Giao cháu 03 con chung là cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011 cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị N.T.H cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn anh Đ.T.Mhiện nay đang cư trú tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do đó xác định đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7-Bắc Ninh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và

238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 23/11/2000 nên xác định quan hệ hôn nhân của chị H anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình làm việc với Toà án, chị H và anh M đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chị H khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M khai chị H bị lừa mất nhiều tiền nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị H và anh M đều không mong muốn đoàn tụ, xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên toà, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh M được ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh M đều xác định vợ chồng có 05 con chung là cháu Đặng P.L, sinh ngày 15/9/2001; Đặng T.Đ, sinh ngày 23/02/2007; cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao 03 con chung cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011 cho chị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M đồng ý để chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 03 con chung và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cả 03 cháu cháu Đặng P.M; cháu Đặng H.N và Đặng P.A đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, các cháu hiện nay vẫn được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định tâm lí, không gây xáo trộn cuộc sống cho các cháu do đó Hội đồng xét xử giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N và Đặng P.A cùng sinh ngày 30/11/2011 là phù hợp với quy định của pháp luật. Hai cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N.T.H được ly hôn anh Đặng T.M.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung: cháu Đặng P.M, sinh ngày 17/10/2009; cháu Đặng H.N, sinh ngày 30/11/2011 và cháu Đặng P.A, sinh ngày 30/11/2011 cho chị N.T.H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các cháu Đặng P.L và Đặng T.Đ đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

3. Án phí: Chị N.T.H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0000348 ngày 13/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Trường + Dương Ngọc Sáng

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn La + Đồng Văn Diện

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tiên Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm

